

Ảnh Hoà Tấn



CHẤT LƯỢNG TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ Vấn đề đặt ra với nền kinh tế Việt Nam

TS. PHAN NGỌC TRUNG

Nhiều nước trên thế giới đã nhận ra rằng chỉ số tăng GDP không còn đủ sức đo lường sức mạnh của nền kinh tế. Theo họ vì một trong những nhược điểm của GDP là bất cứ sản phẩm dịch vụ nào qui ra tiền là được tính vào GDP, bất chấp sản phẩm dịch vụ đó tốt hay xấu, mang lại lợi ích ra sao cho người dân. GDP cũng không loại trừ được những ảnh hưởng từ việc tàn phá môi trường và tài nguyên quốc gia. GDP từ lâu cũng không còn được ưa chuộng vì nó không phản ánh được tính công bằng trong phân phối thu nhập.

Tăng trưởng kinh tế là một nhân tố quyết định sự phát triển của mọi quốc gia. Đối với nhiều nước đang phát triển trong đó có VN, tăng trưởng luôn là mục tiêu ưu tiên, nhưng mục tiêu ưu tiên hàng đầu vẫn là "Chất lượng tăng trưởng kinh tế". Chiến lược phát triển kinh tế xã hội giai đoạn từ 2001 – 2010. Đảng cộng sản VN đã xác định: "Phát huy mọi nguồn lực để phát triển nhanh và bền vững có hiệu quả những sản phẩm, ngành, lĩnh vực mà nước ta có lợi thế, đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và ngoài nước. Tăng nhanh

năng suất lao động và chất lượng tăng trưởng". Chất lượng tăng trưởng được thể hiện ở các nội dung:

- Sự tăng trưởng có năng suất nhân tố tổng hợp TFP (Total Factor Productivity) cao, (áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất và quản lý), bảo đảm cho việc duy trì tốc độ tăng trưởng dài hạn và tránh được những biến động kinh tế từ bên ngoài.

- Sự tăng trưởng gắn liền với bảo vệ, duy trì và phát triển môi trường sinh thái.

- Sự tăng trưởng kinh tế nhằm

mục tiêu cải thiện phúc lợi xã hội và giảm số người nghèo đói, giải quyết hợp lý quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội.

Thực trạng chất lượng tăng trưởng kinh tế của VN

1. Tăng trưởng GDP:

Trong những năm gần đây, kinh tế thế giới và khu vực tăng trưởng giảm sút do các sự kiện khủng hoảng tiền tệ, 11/9, bệnh Sars, chiến tranh Iraq, dịch cúm gia cầm H5N1, giá nguyên liệu của thế giới có nhiều biến động ... ảnh hưởng rất lớn đến nền kinh tế thế giới và VN. Nhưng

VN vẫn giữ được tốc độ tăng trưởng kinh tế khá cao, gấp đôi so với mức tăng trưởng bình quân của thế giới và đứng thứ hai, thứ ba thế giới trong những năm gần đây.

Bảng 1: Tốc độ tăng trưởng kinh tế của VN qua các năm

Năm	Tốc độ tăng trưởng kinh tế (% GDP)
1986-1990	4,8
1991-1995	8,2
1996-2000	6,96
2001	6,9
2002	7,1
2003	7,3
2004	7,7
2005	8,4

Nhưng chất lượng tăng trưởng thấp, đóng góp vào tăng trưởng GDP chủ yếu là tăng vốn, lao động, chẳng hạn thời kỳ 1998 đến 2002 mức tăng GDP bình quân đạt 6,3%/năm trong đó 3 nhân tố đóng góp vào tăng trưởng là: vốn 57,5%; lao động 20%, TFP 22,5%. Như vậy tăng trưởng kinh tế chủ yếu là gia tăng các yếu tố vật chất đầu vào còn đóng góp của công nghệ, trình độ tổ chức quản lý, tri thức (TFP) ở mức khiêm tốn ...

- Hiệu quả sử dụng vốn đầu tư thấp, biểu hiện qua hệ số ICOR có xu hướng tăng lên.

Năm	Chỉ số ICOR	Năm	Chỉ số ICOR
1990	2,95	2002	4,83
1995	3,35	2003	4,74
2000	4,83	2004	4,74
2001	4,78		

Nguồn: Kinh tế VN trên đường rồng hoá trang 277, Nhà xuất bản Trẻ - 2004

Trong nhiều nguyên nhân làm cho hiệu quả đầu tư giảm có các nguyên nhân như: chưa có cơ cấu đầu tư hợp lý, đầu tư phân tán dàn trải, giải phóng mặt bằng chậm, lãng phí, thất thoát ... vấn đề tham nhũng cũng có tác động xấu đến hiệu quả của đầu tư, theo xếp hạng của WEF (Diễn đàn kinh tế thế giới) năm 2004 chỉ số về tham nhũng của VN xếp thứ 97/104 và chỉ số về mức độ tiêu dùng lãng phí của chính phủ xếp thứ 68/104.

Tuy nhiên, nhiều nước trên thế giới đã nhận ra rằng chỉ số tăng GDP không còn đủ sức đo lường sức mạnh của nền kinh tế. Theo họ vì một

trong những nhược điểm của GDP là bất cứ sản phẩm dịch vụ nào qui ra tiền là được tính vào GDP, bất chấp sản phẩm dịch vụ đó tốt hay xấu, mang lại lợi ích ra sao cho người dân. GDP cũng không loại trừ được những ảnh hưởng từ việc tàn phá môi trường và tài nguyên quốc gia. GDP từ lâu cũng không còn được ưa chuộng vì nó không phản ánh được tính công bằng trong phân phối thu nhập.

Để khắc phục nhược điểm này các nhà kinh tế thế giới đã đưa ra một khái niệm mới là tăng trưởng kinh tế rộng (tinh) của quốc gia (Net Economic Welfare New). Đây là con số thực sự phản ánh sự tăng trưởng bền vững của nền kinh tế và những gì người dân được hưởng từ sự tăng trưởng này.

2. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế:

Kết quả nổi bật về chuyển dịch cơ cấu kinh tế quốc dân trong 20 năm đổi mới là xu hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp, ổn định tỷ trọng khu vực dịch vụ và giảm dần tỷ trọng nông nghiệp trong GDP, nhưng giá trị tuyệt đối của từng ngành đều tăng.

Bảng 2: Chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Năm	Chung nền kinh tế	Nông nghiệp	Công nghiệp	Dịch vụ
1986	100	38,06	28,68	33,06
1990	100	38,74	22,67	38,59
1995	100	27,18	28,76	44,06
2000	100	24,53	36,73	38,74
2003	100	22,54	39,47	37,79
2004	100	21,76	40,09	38,15

Nguồn: Niên giám thống kê năm 2004

Cơ cấu chuyển dịch khá hơn theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá nhưng vẫn còn nhiều hạn chế bất cập. Nền kinh tế vẫn tập trung chủ yếu vào các ngành và sản phẩm truyền thống, các ngành công nghiệp cao như: điện tử, tin học, cơ khí chính xác, công nghệ sinh học, dịch vụ có hàm lượng trí tuệ cao còn nhỏ bé.

Tỷ trọng dịch vụ giảm, cơ cấu hàng xuất khẩu chậm biến đổi: tỷ lệ hàng thô và sơ chế chiếm tỷ lệ trên 60%, nhập siêu gia tăng cả về kim ngạch tuyệt đối, cả về tỷ lệ so

với xuất khẩu.

3. Năng lực cạnh tranh

Năng lực cạnh tranh thấp, hiệu quả sản xuất kinh doanh chưa cao, nhiều hàng hoá của Việt Nam khó cạnh tranh được về chất lượng và giá cả trên thị trường cả trong và ngoài nước. Năng lực cạnh tranh của nền kinh tế bị tụt hậu, theo xếp hạng năng lực cạnh tranh của diễn đàn kinh tế thế giới (WEF) năng lực cạnh tranh của nền kinh tế VN.

Năm	WEF xếp hạng	Năm	WEF xếp hạng
1999	48/33	2003	60/102
2000	49/59	2004	77/104
2001	64/75	2005	81/117
2002	60/80		

Về năng lực cạnh tranh doanh nghiệp năm 2003 thứ hạng 50/95 và năm 2004 là 79/104 nước được xếp hạng.

4. Khoảng cách giàu nghèo gia tăng:

- Bên cạnh những thành quả đáng khích lệ về nâng cao thu nhập, giảm tỷ lệ nghèo, nâng cao đối với văn hoá giáo dục y tế, nâng cao chỉ số phát triển con người (HDI) về mặt xã hội cũng còn nhiều bất cập. Chênh lệch về thu nhập giữa 20% số hộ giàu nhất và 20% số hộ nghèo nhất ngày càng gia tăng năm 1990 là 4,1 lần, năm 1995 là 6,5 lần thì năm 2002 là 8,1 lần.

- Chất lượng giáo dục phổ thông đến đại học nhìn chung còn thấp, xã hội vẫn chưa yên tâm về nội dung và cách thức tiến hành cải cách giáo dục.

- Công tác y tế chưa tiến hành đồng bộ, chủ trương xã hội hoá vẫn còn sự phân biệt trong đối xử trong khám chữa bệnh theo chế độ bảo hiểm sức khoẻ với khám chữa bệnh nộp phí dịch vụ.

- Môi trường sinh thái đang bị huỷ hoại, nhiều mặt xuống cấp nghiêm trọng từ đất, rừng, nước, không khí ở mọi nơi, mọi lúc, tình trạng phá rừng, cháy rừng vẫn nghiêm trọng, nhiều nhà máy, cảng chưa được di chuyển ra khỏi khu đông dân cư.

Chất lượng nguồn nhân lực

thấp, công nghiệp lạc hậu. Đến năm 2003 cả nước có 79,01% lực lượng lao động không có chuyên môn kỹ thuật, số lao động được đào tạo thì cơ cấu mất cân đối, chất lượng đào tạo thấp, trình độ ngoại ngữ, năng lực vận dụng thực tiễn còn hạn chế.

Khoa học – công nghệ so với các nước trong khu vực từ 2 – 3 thế hệ 80 – 90% công nghệ đang sử dụng ở nước ta là công nghệ ngoại nhập. 75% dây chuyền công nghệ nhập thuộc thế hệ 1950 – 1960 đã hết thời gian khấu hao. Tính chung cho các doanh nghiệp VN, thì mức độ thiết bị hiện đại 10%, trung bình 38%, lạc hậu 52%. Theo đánh giá của Bộ khoa học – công nghệ thì đổi mới công nghệ thuộc loại năng lực yếu nhất của VN. Một thăm dò ý kiến của 24 công ty Nhật đối với 10 nước ASEAN thang điểm 5 trong đó VN đạt 1,9 điểm, xếp thứ 7 trên 3 nước là Campuchia, Lào và Mianma.

Giải pháp góp phần nâng cao chất lượng tăng trưởng kinh tế của VN

VN đang có những thời cơ thuận lợi cho việc phát triển kinh tế. Đó là xu hướng toàn cầu hoá với nền kinh tế tri thức đang phát triển mạnh cả vốn, công nghệ, hàng hoá tri thức đều di chuyển, chuyển giao với qui mô lớn, tốc độ nhanh trên phạm vi toàn thế giới. VN có thể tận dụng cơ hội và kinh nghiệm để rút ngắn quá trình phát triển, nhằm nhanh chóng đạt được mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh xã hội dân chủ công bằng và văn minh” theo chúng tôi VN cần thực hiện giải pháp sau:

Một là, chú trọng khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực về đất đai, tài nguyên, vốn con người của VN trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực.

Trong thời gian qua, tài nguyên thiên nhiên, bao gồm cả đất đai chúng ta khai thác chưa có hiệu quả. Với nguồn vốn trong dân và trí tuệ của người VN còn rất lớn. Nếu cải thiện môi trường dân cư, khơi dậy tiềm năng và giải phóng sức sản xuất thì sẽ tạo ra những động lực mới cho sự tăng trưởng. Chẳng hạn đến năm 2004 sau 5 năm thực hiện luật doanh

ng nghiệp, người dân đã đầu tư trên 11 tỷ USD vào sản xuất kinh doanh. Hằng năm có khoảng trên 3 tỷ USD của người VN định cư ở nước ngoài gửi về, và 1,2 tỷ từ những người xuất khẩu lao động mang về. Đây là nguồn lực hết sức quan trọng cần có chính sách, cơ cấu để tiền trở thành vốn, chứ không phải trở thành hàng hoá tiêu dùng. Việc mở rộng sản xuất tăng chi phí cho đầu tư phát triển đòi hỏi cũng phải tiết kiệm trong chi tiêu ngân sách nhà nước, đặc biệt là trong chi phí xây dựng cơ bản, chẳng hạn năm 2003 tăng trưởng kinh tế 7,24% GDP, nếu hạn chế được thất thoát, tham nhũng lãng phí trong xây dựng, cơ bản thì VN có thể tăng trưởng từ 8,29% - 8,74% GDP.

Hai là, tiếp tục chủ động hội nhập kinh tế thế giới, đặc biệt là mở rộng thị trường và gia tăng mật hàng xuất khẩu thu hút vốn đầu tư nước ngoài. Trong năm 2004 với FDI vào VN là 4,2 tỷ USD, năm 2005 là 5,8 tỷ, vốn trợ giúp phát triển (ODA) năm 2004 là 3,4 tỷ USD và năm 2005 là 3,7 tỷ USD. Đây là nguồn vốn đáng kể trong quá trình đầu tư phát triển kinh tế của nước ta.

Đối với xuất khẩu, trước mắt cũng cố các thị trường đã có và nhanh chóng mở rộng thị trường mới khai thác, cũng cố những mặt hàng xuất khẩu chủ lực có khối lượng lớn, giá trị cao để tạo bước đột phá trong hoạt động xuất khẩu. Năm 2004, GDP của nước ta tương đương 45,5 tỷ USD, xuất khẩu 26 tỷ USD, nhập khẩu 31,5 tỷ USD, năm 2005 xuất khẩu có thể đạt 32 tỷ USD.

Như vậy hội nhập và phát triển nền kinh tế VN phụ thuộc rất nhiều vào thị trường thế giới. Một vấn đề đặt ra trong tiến trình hội nhập là cần phải nâng cao năng lực cạnh tranh của nước ta trên cả 3 cấp độ, từ cạnh tranh quốc gia, cạnh tranh doanh nghiệp đến cạnh tranh từ những mặt hàng, tránh tình trạng “Hàng VN cạnh tranh hàng VN” trên thị trường thế giới.

Ba là, cần đón đầu, đi tắt, vận dụng kịp thời những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học công nghệ vào hiện đại hóa sản phẩm, hiện đại

hoá quản trị và nâng cao sự đóng góp của TFP cho tăng trưởng kinh tế thông qua việc đầu tư nghiên cứu và phát triển (R&D).

Bốn là, tiếp tục thực hiện chương trình việc làm, nâng cao đời sống của nhân dân, thực hiện tốt chương trình xoá đói, giảm nghèo. Mặc dù, trong thời gian qua VN đã được Liên Hiệp Quốc và nhiều nước đánh giá cao về sự thành công của công tác xoá đói, giảm nghèo năm 2004 UNDP đã đánh giá cao thành tựu giảm nghèo của VN là một trong những câu chuyện thành công nhất trong phát triển kinh tế. Tuy vậy, nhưng thu nhập với mức chuẩn tối thiểu của thế giới là GDP/người/ngày là 2 USD (Trong khi đó của VN là 1,6 USD/ngày). Để nâng cao thu nhập và đời sống của dân cư không còn con đường nào khác là tạo việc làm. Hằng năm chúng ta phải tạo việc làm cho 1,5 triệu lao động, để thực hiện tốt công tác này. Chúng ta cần hoàn thiện cơ chế, chính sách để phát triển thị trường lao động, đặc biệt là cần mở rộng việc xuất khẩu lao động sang các nước Nhật Bản, Hàn Quốc và các nước Trung Đông ...

Năm là, nâng cao hiệu quả điều hành chính sách tiền tệ, lành mạnh hoá hệ thống tín dụng thông qua thực hành chính sách tiền tệ, tỷ giá hối đoái, lãi suất linh hoạt, thích nghi với biến động của thị trường, kiểm soát chặt chẽ khối lượng tiền lưu thông, đặc biệt là trong tín dụng đầu tư nhằm góp phần ổn định giá cả, đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế.

Sáu là, Nhà nước cần tiếp tục, cần cải thiện môi trường kinh doanh, hoàn thiện hệ thống pháp luật trong bối cảnh hội nhập để thúc đẩy, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, các thành phần kinh tế yên tâm mở rộng sản xuất. Tiếp tục cải cách hành chính, nâng cao năng lực bộ máy công quyền và công chức nhà nước.

Đến năm 2020 VN trở thành nước công nghiệp có đời sống vật chất và tinh thần cao, thì vấn đề chất lượng tăng trưởng kinh tế phải là vấn đề cần đặt ra trong quá trình phát triển kinh tế của nước ta ■